

Số: **218** /TTr-UBND

Quảng Ngãi, ngày **04** tháng 12 năm 2024

TỜ TRÌNH

**Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh phân định nhiệm vụ
chi về bảo vệ môi trường của ngân sách địa phương
cho các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020; trên cơ sở đề xuất của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 49/TTr-STC ngày 02/12/2024, thống nhất của các Thành viên UBND tỉnh tại Thông báo số 599/TB-UBND ngày 04/12/2024; UBND tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết phân định nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường của ngân sách địa phương cho các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi như sau:

A. Tình hình thực hiện Nghị quyết số 54/2017/NQ-HĐND ngày 09/12/2017 của HĐND tỉnh quy định nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường của ngân sách các cấp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi:

Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường, UBND tỉnh đã tham mưu trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 54/2017/NQ-HĐND ngày 09/12/2017 quy định nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường của ngân sách các cấp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Căn cứ nhiệm vụ chi của từng cấp ngân sách theo Nghị quyết nêu trên, các cấp ngân sách chủ động bố trí kinh phí thực hiện; các nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp thực hiện luôn tuân thủ, áp dụng đảm bảo theo nội dung, hướng dẫn mà Nghị quyết số 54/2017/NQ-HĐND đã quy định. Tuy nhiên, nguồn kinh phí bố trí để chi bảo vệ môi trường của các cấp ngân sách trong thời gian qua còn hạn chế, chủ yếu bố trí để thực hiện thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

B. Xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh phân định nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường của ngân sách các cấp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

I. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường, UBND tỉnh đã tham mưu trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 54/2017/NQ-HĐND ngày 09/12/2017 quy định nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường của ngân sách các cấp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Tuy nhiên, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 31/2023/TT-BTC ngày 25/5/2023 sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 4 của Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp phân định cụ thể các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường của ngân sách địa phương cho các cấp ngân sách ở địa phương.

Căn cứ quy định nêu trên thì việc đề nghị HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết phân định nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường của ngân sách địa phương cho các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi thay thế Nghị quyết số 54/2017/NQ-HĐND ngày 09/12/2017 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi là cần thiết, phù hợp với quy định pháp luật.

II. Mục đích ban hành, quan điểm xây dựng Nghị quyết

1. Mục đích ban hành:

Phân định cụ thể nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường của ngân sách địa phương cho các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh.

2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết:

Đảm bảo yêu cầu về tính hợp hiến, hợp pháp, tuân thủ đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

III. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của Nghị quyết

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Nghị quyết này phân định nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường của ngân sách địa phương cho các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

b) Các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường từ các nguồn kinh phí khác, bao gồm: Kinh phí từ nguồn sự nghiệp khoa học, vốn đầu tư xây dựng cơ bản và các nguồn vốn khác không thuộc phạm vi điều chỉnh tại Nghị quyết này.

2. Đối tượng áp dụng

a) Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (cấp huyện); Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (cấp xã).

b) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc sử dụng kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường.

IV. Quá trình xây dựng Nghị quyết

Trên cơ sở ý kiến của Thường trực HĐND tỉnh tại Công văn số 189/HĐND-KTNS ngày 23/10/2024 về việc chấp thuận xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường của ngân sách địa phương cho các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, Chủ tịch UBND tỉnh đã giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp và các sở, ngành có liên quan hoàn chỉnh hồ sơ dự thảo Nghị quyết đảm bảo cơ sở pháp lý, trình tự thủ tục theo đúng quy định. Trên cơ sở đó, Sở Tài chính xây dựng dự thảo Nghị quyết, lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị, địa phương và gửi Sở Tư pháp thẩm định. Sau khi có kết quả thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 307/BC-STP ngày 26/11/2024, Sở Tài chính hoàn chỉnh lại dự thảo Nghị quyết và tham mưu UBND tỉnh xem xét trình HĐND tỉnh ban hành.

V. Bố cục và nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết

1. Bố cục:

Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh được xây dựng theo hình thức quy định trực tiếp gồm 6 Điều.

- Điều 1: Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng
- Điều 2. Nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường của ngân sách cấp tỉnh
- Điều 3. Nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường của ngân sách cấp huyện
- Điều 4. Nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường của ngân sách cấp xã
- Điều 5. Tổ chức thực hiện
- Điều 6. Hiệu lực thi hành

2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết

Phân định nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường của ngân sách địa phương cho các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi:

Điều 2. Nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường của ngân sách cấp tỉnh

1. Quản lý chất thải, hỗ trợ xử lý chất thải

a) Điều tra, thống kê, đánh giá mức độ ô nhiễm môi trường, theo dõi diễn biến chất lượng môi trường, lập danh mục chất ô nhiễm, chất thải rắn, nguồn ô nhiễm; đánh giá, dự báo tình hình phát sinh, thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt thuộc trách nhiệm của cấp tỉnh.

b) Hỗ trợ phân loại tại nguồn, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và xử lý các loại chất thải khác cho ngân sách cấp huyện theo khả năng cân đối ngân sách cấp tỉnh.

c) Hỗ trợ xây dựng công trình vệ sinh công cộng, phương tiện, thiết bị thu gom, quản lý, xử lý chất thải khu vực công cộng; công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ, chất thải cho ngân sách cấp huyện theo khả năng cân đối ngân sách cấp tỉnh.

2. Xử lý, cải tạo, phục hồi chất lượng môi trường

Xử lý ô nhiễm, cải tạo, phục hồi môi trường đối với khu vực ô nhiễm môi trường đất do lịch sử để lại hoặc không xác định được tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm, gồm: khu vực bị ô nhiễm tồn lưu hóa chất trong chiến tranh; khu vực bị ô nhiễm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật; khu vực đất bị ô nhiễm khác trên địa bàn thuộc trách nhiệm xử lý của tỉnh; xử lý ô nhiễm môi trường nước mặt sông, hồ đối với trường hợp có phạm vi ô nhiễm liên huyện (bao gồm điều tra, khảo sát, đánh giá mức độ ô nhiễm môi trường, xử lý môi trường, không bao gồm dự án đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công).

3. Xây dựng hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường; trang thiết bị để bảo vệ môi trường; quan trắc môi trường:

a) Các dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp hệ thống thu gom, lưu giữ, trạm trung chuyển, khu tập kết, hạ tầng kỹ thuật của khu xử lý chất thải rắn tập trung, chất thải nguy hại, hệ thống xử lý nước thải do cấp tỉnh quản lý. Đối với các dự án thuộc trách nhiệm của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân quản lý thì kinh phí thực hiện do doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân chi trả, ngân sách nhà nước không hỗ trợ.

b) Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về môi trường, biến đổi khí hậu; hạ tầng kỹ thuật quan trắc môi trường của địa phương; mua sắm, sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác bảo vệ môi trường thuộc trách nhiệm của tỉnh theo dự án đầu tư.

c) Mua sắm trang thiết bị thay thế; duy trì, vận hành trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác bảo vệ môi trường thuộc trách nhiệm của tỉnh.

d) Hoạt động của hệ thống quan trắc môi trường theo quy hoạch tỉnh (bao gồm cả vận hành, bảo dưỡng, bảo trì, sửa chữa, hiệu chuẩn, kiểm định).

4. Kiểm tra, thanh tra, giám sát về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu thuộc nhiệm vụ của tỉnh và theo quyết định của cấp có thẩm quyền

5. Bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học; bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên; ứng phó với biến đổi khí hậu

a) Điều tra, khảo sát, đánh giá, quản lý và bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên; xác lập, thẩm định và công nhận di sản thiên nhiên cấp tỉnh.

b) Đầu tư bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học theo quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 73 Luật Đa dạng sinh học.

c) Hoạt động bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học theo quy định tại điểm c, d khoản 3 Điều 73 Luật Đa dạng sinh học.

d) Điều tra, khảo sát, thống kê số liệu hoạt động phục vụ kiểm kê khí nhà kính cấp quốc gia, cấp ngành; cập nhật danh mục cơ sở phát thải khí nhà kính

phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính; xây dựng và vận hành hệ thống đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp tỉnh.

đ) Hoạt động phát triển thị trường các-bon trong nước.

e) Xây dựng hệ thống giám sát và đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu; xây dựng báo cáo đánh giá tác động, tính dễ bị tổn thương, rủi ro, tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu cấp tỉnh.

g) Điều tra, thống kê, giám sát, đánh giá, lập danh mục chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính thuộc nhiệm vụ tại địa bàn.

h) Đầu tư dự án phục hồi hệ sinh thái tự nhiên bị suy thoái, bảo tồn đa dạng sinh học; đầu tư dự án chuyển đổi công nghệ loại trừ, giảm thiểu sử dụng các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát, thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm nhẹ phát thải khí nhà kính.

6. Nghiên cứu khoa học, phát triển, chuyển giao, ứng dụng công nghệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ tầng ô-dôn thực hiện theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ, pháp luật về chuyển giao công nghệ thuộc nhiệm vụ chi cấp tỉnh.

7. Truyền thông, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường; giáo dục môi trường; phổ biến kiến thức, tuyên truyền pháp luật về bảo vệ môi trường

a) Truyền thông, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao nhận thức, ý thức, kiến thức về bảo vệ môi trường; phổ biến, tuyên truyền pháp luật về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu; tổ chức và trao giải thưởng về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu cho cá nhân, tổ chức, cộng đồng theo quy định của pháp luật được UBND tỉnh quyết định.

b) Đánh giá, tổng kết và theo dõi thi hành pháp luật về bảo vệ môi trường.

c) Giáo dục, đào tạo về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu đối với các cơ quan cấp tỉnh.

8. Hoạt động hội nhập quốc tế và hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường

a) Phối hợp trong việc ký kết, thực hiện các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên theo đề xuất của cơ quan trung ương có thẩm quyền; ký kết, thực hiện các thỏa thuận quốc tế về bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ tầng ô-dôn.

b) Vốn đối ứng chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA, viện trợ về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ tầng ô-dôn theo quy định của pháp luật thuộc nhiệm vụ cấp tỉnh.

9. Các hoạt động quản lý nhà nước khác bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật

a) Xây dựng, điều chỉnh chiến lược, kế hoạch, quy chuẩn kỹ thuật, quy trình, hướng dẫn kỹ thuật, định mức kinh tế-kỹ thuật, chương trình, đề án, dự án về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh.

b) Đánh giá việc thực hiện phương án bảo vệ môi trường và bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trong quy hoạch tỉnh.

c) Đánh giá, dự báo chất lượng môi trường nước mặt, trầm tích, khả năng chịu tải của môi trường nước mặt đối với sông, hồ trên địa bàn; kiểm kê, đánh giá nguồn thải, mức độ ô nhiễm sông, hồ trên địa bàn; đánh giá, dự báo chất lượng môi trường không khí trên địa bàn; điều tra, đánh giá, xác định và khoanh vùng các khu vực có nguy cơ ô nhiễm môi trường đất, khu vực ô nhiễm môi trường đất thuộc nhiệm vụ của cấp tỉnh.

d) Tiếp nhận, xác minh, xử lý phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư về bảo vệ môi trường theo phân cấp; hội thảo phục vụ hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

đ) Phòng ngừa, ứng phó khắc phục sự cố môi trường cấp tỉnh.

e) Quản lý, công bố thông tin về môi trường; vận hành hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu (bao gồm cả thu nhận, xử lý, trao đổi thông tin, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế thiết bị lưu trữ hệ thống thông tin, dữ liệu); cập nhật, đánh giá chỉ tiêu thống kê, và xây dựng báo cáo về môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu; đánh giá, xếp hạng kết quả bảo vệ môi trường cấp tỉnh.

g) Hoạt động đánh giá phục vụ việc xác nhận về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

h) Hoạt động của Ban điều hành, Văn phòng thường trực về bảo vệ môi trường được UBND tỉnh quyết định.

i) Hoạt động của Ban chỉ đạo, tổ chức các hội nghị về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu theo quyết định của cấp có thẩm quyền và các nhiệm vụ khác có tính chất quản lý hành chính phục vụ hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu được UBND tỉnh quyết định.

k) Cấp vốn điều lệ, bổ sung vốn điều lệ cho quỹ bảo vệ môi trường.

l) Xây dựng các mô hình về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu cấp tỉnh.

m) Các hoạt động quản lý nhà nước khác về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu có tính chất chỉ thường xuyên thuộc trách nhiệm của tỉnh theo quy định của pháp luật; các hoạt động bảo vệ môi trường khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định và theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường của ngân sách cấp huyện

1. Quản lý chất thải, hỗ trợ xử lý chất thải

a) Điều tra, thống kê, đánh giá mức độ ô nhiễm môi trường, theo dõi diễn biến chất lượng môi trường, lập danh mục chất ô nhiễm, chất thải rắn, nguồn ô nhiễm; đánh giá, dự báo tình hình phát sinh, thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt thuộc trách nhiệm của cấp huyện.

b) Hỗ trợ phân loại tại nguồn, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và xử lý các loại chất thải khác cho ngân sách cấp xã theo khả năng cân đối ngân sách cấp huyện.

c) Xây dựng, hỗ trợ xây dựng các công trình vệ sinh công cộng, phương tiện, thiết bị thu gom, quản lý, xử lý chất thải khu vực công cộng; công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ, chất thải thuộc trách nhiệm quản lý của cấp huyện.

d) Xây dựng, sửa chữa, cải tạo hạ tầng bảo vệ môi trường của làng nghề trên địa bàn.

2. Xây dựng hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường; trang thiết bị để bảo vệ môi trường; quan trắc môi trường:

a) Các dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp hệ thống thu gom, lưu giữ, trạm trung chuyển, khu tập kết, hạ tầng kỹ thuật của khu xử lý chất thải rắn tập trung, chất thải nguy hại, hệ thống xử lý nước thải, bãi chôn lấp chất thải sinh hoạt trên địa bàn; hệ thống các công trình, thiết bị công cộng phục vụ quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn; đầu tư công trình vệ sinh công cộng, công trình xử lý nước thải tại chỗ đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường do cấp huyện quản lý. Đối với các dự án thuộc trách nhiệm của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân quản lý thì kinh phí thực hiện do doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân chi trả, ngân sách nhà nước không hỗ trợ.

b) Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về môi trường, biến đổi khí hậu; hạ tầng kỹ thuật quan trắc môi trường của địa phương; mua sắm, sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác bảo vệ môi trường thuộc trách nhiệm của cấp huyện theo dự án đầu tư.

c) Mua sắm trang thiết bị thay thế; duy trì, vận hành trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác bảo vệ môi trường thuộc trách nhiệm của cấp huyện.

3. Kiểm tra, thanh tra, giám sát về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu thuộc nhiệm vụ của cấp huyện và theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

4. Bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học; bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên; ứng phó với biến đổi khí hậu

a) Điều tra, khảo sát, đánh giá, quản lý và bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên trên địa bàn quản lý.

b) Đầu tư bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học theo quy định tại điểm a, b, đ, e khoản 2 Điều 73 Luật Đa dạng sinh học.

c) Hoạt động bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học theo quy định tại điểm a, b, đ, e khoản 3 Điều 73 Luật Đa dạng sinh học trên địa bàn quản lý (trừ lập, thẩm định quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học và xây dựng báo cáo hiện trạng khu bảo tồn).

5. Truyền thông, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường; giáo dục môi trường; phổ biến kiến thức, tuyên truyền pháp luật về bảo vệ môi trường

a) Truyền thông, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao nhận thức, ý thức, kiến thức về bảo vệ môi trường; phổ biến, tuyên truyền pháp luật về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu theo quy định của pháp luật được UBND huyện quyết định.

b) Đánh giá, tổng kết và theo dõi thi hành pháp luật về bảo vệ môi trường trên địa bàn.

c) Giáo dục, đào tạo về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu đối với các cơ quan cấp huyện (bao gồm cấp xã).

6. Hoạt động hội nhập quốc tế và hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường

Vốn đối ứng chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA, viện trợ về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ tầng ô-dôn theo quy định của pháp luật thuộc nhiệm vụ cấp huyện.

7. Các hoạt động quản lý nhà nước khác bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật

a) Đánh giá, dự báo chất lượng môi trường nước mặt, trầm tích, khả năng chịu tải của môi trường nước mặt đối với sông, hồ trên địa bàn; kiểm kê, đánh giá nguồn thải, mức độ ô nhiễm sông, hồ trên địa bàn; đánh giá, dự báo chất lượng môi trường không khí trên địa bàn; điều tra, đánh giá, xác định và khoanh vùng các khu vực có nguy cơ ô nhiễm môi trường đất, khu vực ô nhiễm môi trường đất trên địa bàn thuộc nhiệm vụ của cấp huyện.

b) Xây dựng, điều chỉnh kế hoạch, chương trình, đề án, dự án về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu đối với cấp huyện.

c) Tiếp nhận, xác minh, xử lý phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư về bảo vệ môi trường trên địa bàn thuộc nhiệm vụ cấp huyện; hội thảo phục vụ hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

d) Phòng ngừa, ứng phó khắc phục sự cố môi trường thuộc trách nhiệm cấp huyện.

đ) Quản lý, công bố thông tin về môi trường; vận hành hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu của cấp huyện (bao gồm cả thu nhận, xử lý, trao đổi thông tin, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế

thiết bị lưu trữ hệ thống thông tin, dữ liệu); xây dựng báo cáo về môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

e) Xây dựng các mô hình về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu cấp huyện.

g) Hoạt động của Ban điều hành, Văn phòng thường trực về bảo vệ môi trường được cấp có thẩm quyền quyết định.

h) Hoạt động của Ban chỉ đạo, tổ chức các hội nghị về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu theo quyết định của cấp có thẩm quyền và các nhiệm vụ khác có tính chất quản lý hành chính phục vụ hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu được cấp có thẩm quyền quyết định.

i) Các hoạt động quản lý nhà nước khác về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu có tính chất chỉ thường xuyên thuộc trách nhiệm của cấp huyện theo quy định của pháp luật; các hoạt động bảo vệ môi trường khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định và theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường của ngân sách cấp xã

1. Quản lý chất thải, hỗ trợ xử lý chất thải

a) Lập danh mục chất ô nhiễm, chất thải rắn, nguồn ô nhiễm trên địa bàn thuộc trách nhiệm của cấp xã.

b) Hỗ trợ phân loại tại nguồn, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và xử lý các loại chất thải khác phát sinh trên địa bàn thuộc trách nhiệm của cấp xã.

2. Xử lý, cải tạo, phục hồi chất lượng môi trường

Xử lý ô nhiễm, cải tạo, phục hồi môi trường thuộc nhiệm vụ xử lý của cấp xã.

3. Kiểm tra, giám sát về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu thuộc nhiệm vụ của cấp xã và theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

4. Bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học; bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên; ứng phó với biến đổi khí hậu

Điều tra, khảo sát, đánh giá, quản lý và bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên trên địa bàn thuộc trách nhiệm cấp xã.

5. Truyền thông, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường; giáo dục môi trường; phổ biến kiến thức, tuyên truyền pháp luật về bảo vệ môi trường

a) Phổ biến, tuyên truyền pháp luật về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

b) Đánh giá, tổng kết và theo dõi thi hành pháp luật về bảo vệ môi trường trên địa bàn xã.

6. Các hoạt động quản lý nhà nước khác bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật

a) Tiếp nhận, xác minh, xử lý phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư về bảo vệ môi trường trên địa bàn thuộc nhiệm vụ cấp xã.

b) Phòng ngừa, ứng phó khắc phục sự cố môi trường trên địa bàn thuộc trách nhiệm cấp xã.

c) Xây dựng các mô hình về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu cấp xã.

d) Quản lý, công bố thông tin môi trường, vận hành hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường, báo cáo về môi trường theo quy định pháp luật.

đ) Các hoạt động bảo vệ môi trường khác thuộc trách nhiệm của cấp xã theo quy định của pháp luật.

VI. Dự kiến nguồn lực, điều kiện đảm bảo cho việc thi hành Nghị quyết

Nguồn lực thực hiện từ nguồn ngân sách địa phương các cấp.

Sau khi được HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết, UBND tỉnh triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị quyết phân định các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường của ngân sách địa phương cho các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

(Kèm theo dự thảo Nghị quyết phân định nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường của ngân sách địa phương cho các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- BTT UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Ban KT-NS, HĐND tỉnh;
- Các Sở: Tài chính, Tư pháp, Tài nguyên và Môi trường;
- VPUB: CVP, PCVP;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KTN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Phước Hiền